

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/DS-PT

Ngày 20 - 12 - 2018

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2018 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tào Thị H, sinh năm 1946; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tào Thanh N, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Nghiệp Đ, chức vụ: Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Tào Thị H, sinh năm 1946

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Tào Thị H trình bày: Nguồn gốc lá dừa nước là của cha bà cho vào năm đổi bằng khoán đất, cụ thể năm nào thì bà không biết, cha bà tên là Tào Đại Q đã chết vào ngày 22/12/2000. Bà xác định cho phần đất ở tại thửa 506-1, đất vườn tạp tại thửa 506-2, đất trồng lúa tại 03 thửa số 505, 519, 527, tờ bản đồ số 05, tổng diện tích chung là 19.740 m², tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu đều gắn liền với phần đất mé sông có trồng lá dừa nước theo diện tích đo đạc thực tế chiều dài 71m, ngang 4m. Phần lá dừa nước bà xác định bà không có trồng mà do cha bà là ông Q và các anh em bà trồng lá, trong đó có ông Tào Văn N trồng từ những năm trang trải đất đai, cụ thể năm nào thì bà không nhớ, bà xác định trước đây phần lá dừa nước này do ông Tào Văn N là cha ông Tào Thanh N quản lý, sử dụng và sau này giao lại cho ông N quản lý, sử dụng đến nay. Sở dĩ, bà không sử dụng phần lá dừa này là do ông N dành và khi cha bà là ông Q còn sống thì cũng không có ý kiến hay phản đối gì về việc ông N sử dụng và giao lại cho ông N tiếp tục quản lý, sử dụng phần lá dừa nước này. Còn phần đất để trồng lá dừa nước bà xác định là đất bảo lưu sông của Nhà nước. Nay bà yêu cầu ông Tào Thanh N phải trả lại phần lá dừa nước trồng ven sông kênh bảo lưu nhà nước có diện tích chiều dài là 71m, chiều ngang 4m, theo thẩm định thực tế gồm: 135 bụi lá tương đương là 405 tàu lá, được định giá thực tế tại địa phương là 1.012.500 đồng. Ngoài ra, trên phần đất có lá dừa nước có một số cây mọc tự nhiên là 50 cây tra và 500 cây cóc. Số cây tra và cây cóc này bà H không có yêu cầu định giá và cũng không có yêu cầu gì. Nay bà chỉ yêu cầu ông N trả lại phần lá dừa nước chứ bà không yêu cầu trả bằng giá trị thành tiền.

Theo bị đơn ông Tào Thanh N trình bày: Phần lá dừa nước này là của cha ông là ông Tào Văn N trồng trước năm 1975, trồng trên kênh ven sông thuộc đất bảo lưu của Nhà nước, chứ không phải là của ông nội ông là ông Tào Đại Q trồng như cô ông là bà H trình bày. Ở địa phương và những người cố cựu sống lâu năm ai cũng đều biết lá dừa nước này là do cha ông trồng. Sau khi cha ông chết và cho lại ông phần lá dừa nước này quản lý và sử dụng cho đến nay. Ông không đồng ý theo yêu cầu của bà H là đòi lại phần lá dừa nước trồng trên phần đất theo biên bản thẩm định thực tế chiều dài là 71m, chiều ngang 4m, phần lá dừa nước gồm: 135 bụi lá tương đương là 405 tàu lá, được định giá thực tế tại địa phương là 1.012.500 đồng. Ngoài ra, trên phần đất có lá dừa nước có một số cây mọc tự nhiên là 50 cây tra và 500 cây cóc, số cây tra và cây cóc này ông không có yêu cầu định giá và cũng không có yêu cầu gì về số cây tra và cây cóc này vì cây mọc tự nhiên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà thống nhất ý kiến của ông N và không đồng ý trả phần lá dừa nước này cho bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân xã V, huyện H trình bày: Vào năm 2016, bà H có làm đơn yêu cầu anh Tào Thanh N trả lại phần lá dừa nước cho bà. Sau đó, Ủy ban nhân dân xã có tổ chức đi xác minh

trong dân là những người hiểu biết về nguồn gốc đất cũng như phần lá dừa nước. Được biết phần lá dừa nước là do ông Tào Văn N là cha của ông Tào Thanh N trồng trước năm 1975, được trồng trên kênh ven sông bảo lưu nhà nước và ông N đã quản lý, sử dụng cho đến khi chết thì cho lại anh N tiếp tục quản lý, sử dụng đến hiện nay. Còn bà Tào Thị H được ông Tào Đại Q là ông nội ông N cho đất phía trên, cho sau năm 1975 và quá trình mời hai bên lên giải quyết bà H cũng thừa nhận phần lá dừa nước này bà không có trồng mà là ông Tào Văn N trồng trên kênh ven sông thuộc đất bảo lưu nhà nước. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã V, phần lá dừa nước được trồng trên đất nhà nước thuộc kênh bảo lưu ven sông do Ủy ban nhân dân xã V quản lý. Còn nguồn gốc lá dừa nước do ông Tào Văn N là cha của ông Tào Thanh N trồng trước năm 1975, sau này cho lại ông Tào Thanh N. Đây là vụ kiện tranh chấp tài sản trên đất thuộc bảo lưu ven sông nhà nước do Ủy ban nhân dân xã quản lý, phần lá dừa nước của ai trồng thì sau khi có quyết định của Tòa án lá dừa nước của ai, thì thuộc về người đó, khi nào Nhà nước trưng dụng kênh ven sông này thì người dân phải trả lại cho Nhà nước (Ủy ban nhân dân xã V).

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Tào Thị H đối với ông Tào Thanh N về việc tranh chấp đòi lại tài sản (lá dừa nước) là 135 bụi lá tương đương 405 tàu lá có giá trị là 1.012.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn bà Tào Thị H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Tào Thanh N trả cho bà 135 bụi lá dừa nước, tương đương 405 tàu lá, có giá trị là 1.012.500 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Tào Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự,

ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Tào Thị H nộp trong hạn luật định và hợp lệ, nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Tào Thị H, Hội đồng xét xử, xét thấy: Bà Tào Thị H và ông Tào Văn N thống nhất xác định lá dừa nước được trồng trên phần đất lảo lưu ven sông của Nhà nước (do Ủy ban nhân dân xã V, huyện H quản lý), không tranh chấp phần đất mà chỉ tranh chấp phần lá dừa nước tổng cộng có 135 bụi lá, mỗi bụi có 03 tàu lá tương đương là 405 tàu lá. Bà Tào Thị H xác định phần lá dừa nước do cha bà là ông Tào Đại Q cho bà vào năm đổi bằng khoán đất, cụ thể năm nào thì bà không nhớ, từ khi cha bà cho đến nay bà không trực tiếp quản lý, sử dụng, khi cho chỉ nói miệng; phần lá dừa nước do ông N quản lý, sử dụng; sau khi ông N chết thì ông N quản lý sử dụng, bà không có quản lý, sử dụng. Ông Tào Thanh N xác định lá dừa nước do cha ông là ông Tào Văn N trồng trên kênh bảo lưu của Nhà nước từ trước năm 1975, ông N là người quản lý, sử dụng lá dừa nước này, năm 1996 ông N chết ông N tiếp tục quản lý, sử dụng đến nay.

[4] Tại báo cáo số 50/BC-BHG ngày 14 tháng 12 năm 2016 và Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện H xác định: Phần lá dừa nước trồng và sử dụng ở dưới mé kênh là do ông Tào Văn N là cha ruột của ông N trồng trước năm 1975 và sử dụng cho đến nay. Theo biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Ban hòa giải xã V, bà H thừa nhận phần lá đó là của ông N, do cha chết để lại ông N có quyền sử dụng. Còn phần đất trên bờ bà H được ông Q cho sử dụng sau năm 1975.

[5] Xét thấy, bà H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh phần lá dừa nước tranh chấp bà được cha bà là ông Tào Đại Q cho vào năm đổi bằng khoán đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định bà có sử dụng phần lá dừa nước tranh chấp trong năm 1975 để cất nhà ở, nhưng bà cũng không có chứng cứ chứng minh, bà H thừa nhận từ sau năm 1975 đến nay thì bà không có quản lý, sử dụng phần lá dừa nước mà do gia đình ông N quản lý, sử dụng. Ông N xác định phần lá dừa nước do cha ông là ông Tào Văn N trồng trước năm 1975, gia đình ông quản lý, sử dụng phần lá dừa nước này đến nay; sự xác định này của ông N phù hợp với sự xác định của Ủy ban nhân dân xã V, nên có căn cứ xác định phần lá dừa nước tranh chấp là do ông N cha của ông N trồng trước năm 1975 và cho lại ông N quản lý, sử dụng đến nay. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Tào Thị H; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm, bà Tào Thị H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Tào Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tào Thị H đòi ông Tào Thanh N trả 135 bụi lá, tương đương 405 tàu lá, có giá trị là 1.012.500 đồng.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 850.000 đồng, bà Tào Thị H phải chịu. Bà Tào Thị H đã nộp xong.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Tào Thị H chịu 300.000 đồng. Bà Tào Thị H đã dự nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003753 ngày 17/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án phí phúc thẩm: Bà Tào Thị H chịu 300.000 đồng. Bà Tào Thị H đã dự nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014484 ngày 22/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trương Thanh Dũng